VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ[1]
Hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký ban hành, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 17/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 4 năm 2021.

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

---

[1] Văn bản này được hợp nhất từ 02 Thông tư sau:

- Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký ban hành;

- Thông tư số 17/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 4 năm 2021;

Văn bản hợp nhất này không thay thế 02 Thông tư nêu trên.

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế số 21/2012/QH13 năm 2012;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;

Căn cứ Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 20/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 02 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về kinh doanh dịch vụ giám định thương mại;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thực hiện Quyết định số 49/QĐ-CTN ngày 06 tháng 3 năm 1998 của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc Việt Nam tham gia Công ước Quốc tế về Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa;

Thực hiện Nghị định thư quy định việc thực hiện Danh mục thuế quan hài hòa ASEAN;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng; kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu[2]

---

[2] Thông tư số 17/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 4 năm 2021, có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 20/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 02 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về kinh doanh dịch vụ giám định thương mại;

Căn cứ Nghị định số 120/2011/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2011 sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính tại một số Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại; Nghị định số 125/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2014 sửa đổi, bổ sung quy định về dịch vụ giám định thương mại tại Nghị định số 120/2011/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2011 và Nghị định số 20/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 02 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của

Mục 1
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn việc phân loại hàng hóa, sử dụng kết quả phân tích để phân loại hàng hóa, sử dụng kết quả phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

2. Người khai hải quan, cơ quan hải quan, công chức hải quan và các tổ chức, cá nhân khác khi thực hiện các công việc có liên quan đến phân loại hàng hóa, thực hiện kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu là đối tượng thực hiện Thông tư này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Công ước Quốc tế về Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa* (International Convention on the Harmonized Commodity Description and Coding System) (gọi tắt là Công ước HS) là Công ước do Hội đồng hợp tác Hải quan, nay gọi là Tổ chức Hải quan Thế giới (WCO) thông qua ngày 14 tháng 6 năm 1983 tại Bruxelles, Vương quốc Bỉ về "Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa".

Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Thực hiện Quyết định số 49/QĐ-CTN ngày 06 tháng 3 năm 1998 của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc Việt Nam tham gia Công ước Quốc tế về Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa;

Thực hiện Nghị định thư quy định việc thực hiện Danh mục thuế quan hài hòa ASEAN;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan.

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu."

2. *Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa của Tổ chức Hải quan Thế giới (sau đây gọi tắt là Hệ thống HS)*, là hệ thống bao gồm danh mục những nhóm hàng, phân nhóm hàng cùng các mã số có liên quan, chú giải pháp lý Phần, Chương, Phân nhóm và các Quy tắc tổng quát.

3. *Danh mục hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa của Tổ chức Hải quan Thế giới (sau đây gọi tắt là Danh mục HS)* là danh mục những nhóm hàng (mã 4 chữ số), phân nhóm hàng (mã 6 chữ số), chú giải pháp lý Phần, Chương, Phân nhóm được sắp xếp một cách có hệ thống ứng với tên, mô tả và mã số hàng hóa.

4. *Quy tắc tổng quát* là các quy tắc chung để giải thích Hệ thống HS nhằm phân loại hàng hóa vào một nhóm, phân nhóm nhất định.

5. *Chú giải pháp lý* là những nội dung giải thích các phần, chương và phân nhóm được gắn kèm ở đầu các Phần, Chương của danh mục HS.

6. *Danh mục thuế quan hài hòa ASEAN* (sau đây gọi tắt là Danh mục AHTN) là danh mục hàng hóa của các nước ASEAN, được xây dựng trên cơ sở Hệ thống HS của Tổ chức Hải quan Thế giới.

7. *Phân tích hàng hóa* là việc các tổ chức chuyên môn nghiệp vụ của cơ quan hải quan phân tích mẫu hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bằng máy móc, thiết bị kỹ thuật để xác định:

a) Thành phần, cấu tạo, tính chất lý, hóa, công dụng làm cơ sở phân loại hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;

b) Các tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa theo tiêu chuẩn quốc gia do các cơ quan quản lý nhà nước ban hành hoặc tiêu chuẩn quốc tế để kiểm tra chuyên ngành (kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm) làm căn cứ quyết định thông quan hàng hóa.

8. *Giám định hàng hóa* là việc cơ quan hải quan trưng cầu giám định tại các tổ chức giám định theo quy định của pháp luật để phân tích, xác định cấu tạo, thành phần, tính chất lý, hóa, công dụng của hàng hóa theo yêu cầu của cơ quan hải quan để xác định tên hàng, áp mã số hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Điều 3. Phân tích để phân loại hàng hóa

1. Trường hợp cơ quan hải quan không đủ cơ sở để xác định tính chính xác việc phân loại hàng hóa của người khai hải quan thì thực hiện phân tích để phân loại hàng hóa.

2. Trường hợp cơ quan hải quan không đủ điều kiện thực hiện phân tích hàng hóa thì sử dụng dịch vụ giám định của các tổ chức giám định theo quy định của pháp luật về dịch vụ giám định thương mại để làm cơ sở thực hiện.

3. Để phân loại hàng hóa, người khai hải quan có thể sử dụng các dịch vụ giám định hàng hóa của các tổ chức giám định theo quy định của pháp luật hoặc cơ sở dữ liệu về Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam để xác định các thông tin về thành phần, tính chất lý, hóa, tính năng, công dụng của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Mục 2
PHÂN LOẠI HÀNG HÓA

Điều 4. Nguyên tắc phân loại hàng hóa

1. Một mặt hàng chỉ có một mã số duy nhất theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

2. Khi phân loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phải tuân thủ:

a) Điều 26 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014;

b) Điều 16 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 15/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát, kiểm soát hải quan;

c) Các nội dung hướng dẫn tại Thông tư này.

Điều 5. Sử dụng kết quả phân loại

1. Kết quả phân loại hàng hóa được sử dụng để áp dụng chính sách quản lý hàng hóa trên cơ sở thực hiện quy định về điều kiện, thủ tục, hồ sơ áp dụng tại Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, tạm ngừng xuất khẩu; Danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Danh mục hàng hóa thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành có hiệu lực tại thời điểm đăng ký tờ khai.

2. Kết quả phân loại hàng hóa được sử dụng để áp dụng mức thuế đối với một mặt hàng trên cơ sở thực hiện quy định tại các Biểu thuế áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có hiệu lực tại thời điểm đăng ký tờ khai và điều kiện,

thủ tục, hồ sơ để được áp dụng mức thuế quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Điều 6. Phân loại, áp dụng mức thuế đối với một số trường hợp đặc biệt

1. Trường hợp thực hiện phân loại hàng hóa theo quy định tại Điều 4 Thông tư này nhưng chưa xác định được mã số duy nhất theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam thì sử dụng các tài liệu sau:

a) Chú giải chi tiết Danh mục HS;

b) Tuyển tập ý kiến phân loại của WCO;

c) Chú giải bổ sung Danh mục AHTN;

d) Cơ sở dữ liệu về Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

2.[3] *Trường hợp có sự khác biệt về mô tả hàng hóa tại Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam và mô tả hàng hóa theo Danh mục HS, Danh mục AHTN thì áp dụng trực tiếp mô tả hàng hóa theo Danh mục HS, Danh mục AHTN để phân loại và hướng dẫn phân loại theo nguyên tắc áp dụng quy định của Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.*

3. Trường hợp có ý kiến khác nhau về phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế khi áp dụng Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, tiêu chuẩn chuyên ngành, Bộ Tài chính thống nhất với các Bộ quản lý chuyên ngành liên quan để xử lý.

4. Trường hợp Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan hữu quan khác ban hành văn bản sửa đổi, hướng dẫn phân loại, làm ảnh hưởng tới quá trình khai báo hải quan về mã số, mức thuế và hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh của người khai hải quan, người nộp thuế thì thực hiện phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế kể từ ngày văn bản sửa đổi hướng dẫn phân loại có hiệu lực pháp luật theo quy định.

---

[3] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 17/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 4 năm 2021.

Điều 7. Phân loại máy liên hợp hoặc tổ hợp máy thuộc các Chương 84, Chương 85 và Chương 90 của Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam

1. Người khai hải quan nhập khẩu máy liên hợp (gồm hai hay nhiều máy) hoặc tổ hợp máy thuộc các Chương 84, Chương 85 và Chương 90 của Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam được lựa chọn phân loại theo quy định tại Chú giải pháp lý 3, 4, 5 Phần XVI của Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam hoặc phân loại theo từng máy móc, thiết bị.

2. Trường hợp phân loại máy liên hợp hoặc tổ hợp máy theo quy định tại Chú giải 3, 4, 5 Phần XVI của Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, không phân biệt các máy đó được nhập khẩu từ nhiều nguồn, về cùng chuyến hay nhiều chuyến, làm thủ tục tại một hay nhiều cửa khẩu khác nhau thì người khai hải quan, cơ quan hải quan thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 3, khoản 4 dưới đây.

3. Thủ tục thực hiện đối với người khai hải quan:

a) Người khai hải quan đăng ký Danh mục máy móc, thiết bị, sau đây gọi tắt là danh mục, bằng phương thức điện tử (theo mẫu số 01/ĐKDMTB/2015, Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này), kèm theo 01 phiếu theo dõi trừ lùi (theo mẫu số 02/PTDTL-DMTB/2015, Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này) trước khi nhập khẩu lô hàng đầu tiên tại Chi cục hải quan nơi thuận tiện nhất.

b) Trường hợp Danh mục đã đăng ký nhưng người khai hải quan cần sửa đổi, bổ sung thì người khai hải quan nộp Danh mục và phiếu theo dõi trừ lùi sửa đổi, bổ sung cho Chi cục hải quan đăng ký Danh mục trước thời điểm nhập khẩu hàng hóa lần đầu hoặc trước thời điểm nhập khẩu máy móc thiết bị cho lô hàng tiếp theo có sửa đổi, bổ sung Danh mục.

c) Trường hợp mất Danh mục và Phiếu theo dõi trừ lùi thì người khai hải quan có văn bản gửi cơ quan hải quan nơi đăng ký Danh mục lần đầu đề nghị cấp lại Danh mục; lập phiếu theo dõi trừ lùi mới trong đó tự kê khai và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số tờ khai và số lượng máy móc, thiết bị trong Danh mục đã nhập khẩu gửi cơ quan hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu lô hàng tiếp theo.

4. Thủ tục thực hiện đối với cơ quan hải quan:

a) Khi tiếp nhận Danh mục:

a.1) Ngay sau khi người khai hải quan đăng ký danh mục theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này, Chi cục hải quan nơi người khai hải quan đăng ký Danh mục đồng thời là Chi cục hải quan làm thủ tục nhập khẩu có trách nhiệm tiếp nhận, lập sổ theo dõi, đóng dấu xác nhận vào 02 bản Danh mục nhập khẩu và 01 bản phiếu theo dõi trừ lùi (lưu 01 bản chính Danh mục, giao cho người khai hải quan 01 bản chính Danh mục kèm 01 bản chính phiếu theo dõi trừ lùi); thực hiện phân loại và trừ lùi theo hướng dẫn tại điểm b dưới đây.

Trường hợp người khai hải quan làm thủ tục nhập khẩu tại Chi cục Hải quan khác với Chi cục Hải quan đăng ký Danh mục thì Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu tiếp nhận Danh mục kèm phiếu theo dõi trừ lùi do người khai hải quan đăng ký; thực hiện phân loại và trừ lùi theo hướng dẫn tại điểm b dưới đây.

a.2) Trường hợp người khai hải quan cần thay đổi, bổ sung Danh mục và Phiếu theo dõi trừ lùi thì Chi cục hải quan nơi người khai hải quan đăng ký Danh mục có trách nhiệm kiểm tra, lập phiếu theo dõi, đóng dấu xác nhận vào 02 bản Danh mục cần thay đổi, bổ sung và 01 bản phiếu theo dõi trừ lùi cần thay đổi, bổ sung (lưu 01 bản chính Danh mục, giao người khai hải quan 01 bản chính Danh mục kèm 01 bản chính phiếu theo dõi trừ lùi để xuất trình cho cơ quan hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu hàng hóa để thực hiện khi làm thủ tục hải quan cho hàng hóa thực tế nhập khẩu) theo quy định.

a.3) Trường hợp người khai hải quan mất Danh mục và Phiếu theo dõi trừ lùi: trên cơ sở đề nghị của người khai hải quan, Chi cục hải quan nơi người khai hải quan đăng ký Danh mục đồng thời là Chi cục hải quan làm thủ tục nhập khẩu kiểm tra cụ thể và cấp lại Danh mục; kiểm tra các nội dung tự kê khai trên Phiếu theo dõi trừ lùi mới do người khai hải quan lập, đối chiếu với các thông tin trên hệ thống của Hải quan để xác nhận Phiếu theo dõi trừ lùi các máy móc, thiết bị chưa nhập khẩu.

Trường hợp người khai hải quan làm thủ tục nhập khẩu tại Chi cục Hải quan khác với Chi cục Hải quan đăng ký Danh mục thì Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu lô hàng tiếp theo tiếp nhận Phiếu theo dõi trừ lùi mới do người khai hải

quan lập, thực hiện kiểm tra, đối chiếu và xác nhận Phiếu theo dõi trừ lùi tương tự như nội dung hướng dẫn đối với Chi cục hải quan nơi người khai hải quan đăng ký Danh mục, đồng thời là Chi cục hải quan làm thủ tục nhập khẩu.

b) Khi làm thủ tục nhập khẩu: Ngoài thủ tục hải quan theo quy định, cơ quan hải quan căn cứ hồ sơ hải quan, đối chiếu với phiếu theo dõi trừ lùi để trừ lùi những máy móc, thiết bị người khai hải quan đã thực tế nhập khẩu và ký xác nhận theo quy định. Lưu 01 bản chụp Danh mục và phiếu theo dõi trừ lùi đã thực hiện trừ lùi vào hồ sơ hải quan.

Hết lượng hàng hóa nhập khẩu ghi trong phiếu theo dõi trừ lùi, lãnh đạo Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục cuối cùng xác nhận "đã nhập hết hàng hóa theo danh mục số...." lên bản chính phiếu theo dõi trừ lùi của người khai hải quan lưu 01 bản chụp, cấp cho người khai hải quan 01 bản chụp và gửi bản chính đến Chi cục Hải quan nơi cấp phiếu theo dõi trừ lùi để thực hiện kiểm tra hàng hóa đã thông quan theo quy định.

Trường hợp Chi cục Hải quan tiếp nhận đăng ký danh mục đồng thời là Chi cục Hải quan làm thủ tục nhập khẩu máy móc, thiết bị như đã nêu tại điểm a.1 trên, sau khi lãnh đạo Chi cục đã xác nhận hết lượng hàng hóa nhập khẩu trong phiếu theo dõi trừ lùi, Chi cục lưu bản chính, cấp cho người khai Hải quan 01 bản chụp, chuyển 01 bản chụp phiếu theo dõi trừ lùi kèm hồ sơ đăng ký danh mục để thực hiện kiểm tra hàng hóa đã thông quan theo quy định.

5. Trường hợp khai bổ sung (nếu có) thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

6. Các trường hợp nhập khẩu máy móc, thiết bị đồng bộ, toàn bộ trước đây đã được cơ quan có thẩm quyền xác nhận máy chính, hàng hóa thực nhập đã được phân loại theo máy chính, phần còn lại nhập khẩu được tiếp tục thực hiện phân loại theo máy chính.

Điều 8. Phân loại máy móc, thiết bị ở dạng chưa lắp ráp hoặc tháo rời

1. Hàng hóa là những máy móc, thiết bị ở dạng chưa lắp ráp hoặc tháo rời thường do yêu cầu đóng gói, bảo quản hoặc vận chuyển thực hiện phân loại theo quy tắc 2a của 6 (sáu) quy tắc tổng quát giải thích Hệ thống HS.

Trường hợp hàng hóa được nhập khẩu từ nhiều nguồn, nhiều chuyến, làm thủ tục tại một hay nhiều cửa khẩu khác nhau thì người khai hải quan, cơ quan hải quan thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 2, khoản 3 dưới đây.

2. Thủ tục thực hiện đối với người khai hải quan:

a) Người khai hải quan thực hiện đăng ký Danh mục các chi tiết, linh kiện rời của máy móc, thiết bị, sau đây gọi là Danh mục, bằng phương thức điện tử (theo mẫu số 03/DMTBĐKNK-TDTL/2015 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này) kèm theo 01 Phiếu theo dõi trừ lùi các chi tiết, linh kiện rời của máy móc, thiết bị (theo mẫu số 04/PTDTL-TBNC/2015, Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này) trước khi nhập khẩu lô hàng đầu tiên với Chi cục hải quan nơi thuận tiện nhất;

b) Trường hợp Danh mục đã đăng ký nhưng cần sửa đổi, bổ sung các chi tiết, linh kiện rời của máy móc, thiết bị thì người khai hải quan được sửa đổi, bổ sung và nộp Danh mục, phiếu theo dõi trừ lùi sửa đổi, bổ sung cho Chi cục hải quan nơi đăng ký Danh mục trước thời điểm nhập khẩu lần đầu hoặc trước thời điểm nhập khẩu máy móc thiết bị cho lô hàng tiếp theo có sửa đổi, bổ sung Danh mục.

c) Trường hợp mất Danh mục và Phiếu theo dõi trừ lùi các chi tiết, linh kiện rời của máy móc, thiết bị thì người khai hải quan thực hiện tương tự theo quy định tại điểm c, khoản 3, Điều 7 Thông tư này.

3. Thủ tục thực hiện đối với cơ quan hải quan:

a) Khi tiếp nhận Danh mục:

a.1) Ngay sau khi người khai hải quan đăng ký Danh mục và Phiếu theo dõi trừ lùi, Chi cục hải quan nơi người khai hải quan đăng ký Danh mục đồng thời là Chi cục hải quan làm thủ tục nhập khẩu có trách nhiệm tiếp nhận, lập phiếu theo dõi, đóng dấu xác nhận vào 02 bản Danh mục hàng hóa nhập khẩu và 01 bản phiếu theo dõi trừ lùi (lưu 01 bản chính Danh mục, giao cho người khai hải quan 01 bản chính Danh mục kèm 01 bản chính phiếu theo dõi trừ lùi); thực hiện phân loại, tính thuế theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều này và trừ lùi khi làm thủ tục hải quan cho hàng hóa thực tế nhập khẩu theo hướng dẫn tại điểm b dưới đây.

Trường hợp, người khai hải quan làm thủ tục nhập khẩu tại Chi cục Hải quan khác với Chi cục Hải quan đăng ký danh mục thì Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu tiếp nhận 01 bản chính Danh mục kèm 01 bản chính phiếu theo dõi trừ lùi; thực hiện phân loại, tính thuế theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều này và thực hiện trừ lùi theo hướng dẫn tại điểm b dưới đây.

a.2) Trường hợp người khai hải quan cần thay đổi, bổ sung Danh mục và Phiếu theo dõi trừ lùi các chi tiết, linh kiện rời của máy móc, thiết bị thì thực hiện tương tự theo quy định tại tiết điểm a.2, khoản 4, Điều 7 Thông tư này.

a.3) Trường hợp người khai hải quan mất Danh mục và Phiếu theo dõi trừ lùi các chi tiết, linh kiện rời của máy móc, thiết bị: thực hiện tương tự theo quy định tại điểm a.3, khoản 4, Điều 7 Thông tư này.

b) Khi làm thủ tục nhập khẩu: Ngoài thủ tục hải quan theo quy định, cơ quan hải quan căn cứ hồ sơ hải quan, đối chiếu với phiếu theo dõi trừ lùi để trừ lùi các chi tiết, linh kiện rời người khai hải quan đã thực tế nhập khẩu và ký xác nhận theo quy định. Lưu 01 bản chụp Danh mục và phiếu theo dõi trừ lùi đã thực hiện trừ lùi vào hồ sơ hải quan.

Hết lượng hàng hóa nhập khẩu ghi trong phiếu theo dõi trừ lùi, lãnh đạo Chi cục hải quan nơi làm thủ tục cuối cùng xác nhận "đã nhập hết hàng hóa theo danh mục số..." lên bản chính phiếu theo dõi trừ lùi của người khai hải quan và lưu 01 bản chụp, cấp cho người khai hải quan 01 bản chụp và gửi bản chính đến Chi cục Hải quan nơi cấp phiếu theo dõi trừ lùi để thực hiện kiểm tra hàng hóa đã thông quan theo quy định.

Trường hợp Chi cục Hải quan tiếp nhận đăng ký Danh mục đồng thời là Chi cục Hải quan làm thủ tục nhập khẩu các chi tiết, linh kiện rời như đã nêu tại điểm a.1 trên, sau khi lãnh đạo Chi cục đã xác nhận hết lượng hàng hóa nhập khẩu trong phiếu theo dõi trừ lùi, Chi cục lưu bản chính, cấp cho người khai Hải quan 01 bản chụp, chuyển 01 bản chụp phiếu theo dõi trừ lùi kèm hồ sơ đăng ký danh mục để thực hiện kiểm tra hàng hóa đã thông quan theo quy định.

4. Trường hợp khai bổ sung (nếu có) thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Mục 3
PHÂN TÍCH, GIÁM ĐỊNH ĐỂ PHÂN LOẠI HÀNG HÓA; PHÂN TÍCH ĐỂ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG, KIỂM TRA AN TOÀN THỰC PHẨM

Điều 9. Hồ sơ yêu cầu phân tích để phân loại [4]

Cơ quan hải quan nơi có yêu cầu phân tích hàng hóa có trách nhiệm lập và gửi hồ sơ yêu cầu phân tích; hồ sơ gồm:

1. Phiếu yêu cầu phân tích hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu kiêm Biên bản lấy mẫu hàng hóa (theo mẫu số 05/PYCPT/2021 ban hành kèm Thông tư này). Mỗi mặt hàng lập 01 Phiếu yêu cầu phân tích hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu kiêm Biên bản lấy mẫu hàng hóa.

2. Phiếu ghi số, ngày văn bản, chứng từ thuộc hồ sơ hải quan liên quan đến mẫu hàng hóa.

3. Mẫu hàng hóa yêu cầu phân tích.

4. Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa. Trường hợp không có tài liệu kỹ thuật thì cơ quan hải quan nơi gửi hồ sơ phải nêu rõ lý do hàng hóa không có tài liệu kỹ thuật tại mục 12 mẫu số 05/PYCPT/2021 về phiếu yêu cầu phân tích hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu kiêm biên bản lấy mẫu ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 10. Mẫu hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phân tích để phân loại

1.[5] *Lấy mẫu hàng hóa.*

---

[4] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 17/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 4 năm 2021.

[5] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 17/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 4 năm 2021.

a) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phải lấy mẫu để phân tích theo quy định tại Khoản 14 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018. Việc lấy mẫu thực hiện theo Phiếu yêu cầu phân tích hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu kiêm Biên bản lấy mẫu hàng hóa (theo mẫu số 05/PYCPT/2021 ban hành kèm Thông tư này). Mẫu được lấy từ chính lô hàng cần phân tích và mang tính đại diện; phải đủ về số lượng, khối lượng để phục vụ cho việc trưng cầu giám định hoặc giải quyết khiếu nại. Khi lấy mẫu phải có đại diện của người khai hải quan. Mẫu phải được các bên ký xác nhận và niêm phong riêng biệt từng mẫu. Khi bàn giao mẫu phải có biên bản bàn giao và ký xác nhận của các bên.

Trường hợp lấy mẫu nhưng vắng mặt người khai hải quan, cơ quan hải quan lấy mẫu với sự chứng kiến của cơ quan nhà nước tại khu vực cửa khẩu, đại diện doanh nghiệp vận tải, doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho bãi và phải có ký xác nhận của các bên chứng kiến.

b) Số lượng mẫu: 02 mẫu.

Trường hợp người khai hải quan chỉ nhập khẩu 01 mẫu thì không thực hiện lấy mẫu.

c) Giao nhận mẫu: Cơ quan hải quan nơi có yêu cầu phân tích trực tiếp gửi mẫu hoặc gửi mẫu qua đường bưu điện.

Mẫu chỉ có giá trị pháp lý khi còn nguyên niêm phong.

2. Người khai hải quan có trách nhiệm xuất trình hàng hóa để cơ quan hải quan lấy mẫu thực hiện phân tích.

3. Sử dụng mẫu hàng hóa:

a) Phân tích: cơ quan hải quan tiếp nhận mẫu (theo mẫu số 06/PTNYCPT/2015 Phụ lục ban hành kèm Thông tư này) và thực hiện phân tích;

b) Lưu mẫu: trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày ban hành Thông báo kết quả phân loại trừ những loại hàng hóa đặc biệt như hàng hóa dễ gây nguy hiểm, hàng hóa đã bị biến chất hoặc hàng hóa không thể lưu giữ được trong thời gian trên.

Mẫu lưu được sử dụng khi người khai hải quan không đồng ý với kết quả phân tích và đề nghị trưng cầu giám định tại các tổ chức có chức năng theo quy định của pháp luật hoặc giải quyết khiếu nại.

c) Trả lại mẫu hàng hóa:

Trường hợp người khai hải quan yêu cầu trả lại mẫu thì cơ quan hải quan lập biên bản trả mẫu cho người khai hải quan (theo mẫu số 07/BBTLMHH/2015) và không chịu trách nhiệm về phẩm chất hàng hóa đối với những mẫu được trả lại do đã chịu tác động của quá trình phân tích mẫu. Trường hợp trả lại mẫu hàng hóa đang trong thời hạn lưu mẫu theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, người khai hải quan đã công nhận kết quả phân tích thì không được khiếu nại về kết quả phân tích.

d) Hủy mẫu hàng hóa đã phân tích:

Cơ quan hải quan hủy mẫu khi mẫu hết hạn lưu giữ theo quy định; mẫu hàng hóa dễ gây nguy hiểm; mẫu hàng hóa đã bị biến chất hoặc mẫu hàng hóa không còn khả năng lưu giữ. Quyết định hủy mẫu và biên bản hủy mẫu được lưu theo quy định về lưu giữ hồ sơ.

4. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan hướng dẫn cụ thể về quy trình kỹ thuật, chứng từ đối với việc lấy mẫu, quyết định hủy mẫu.

5. Trường hợp cơ quan hải quan gửi mẫu trưng cầu giám định tại các tổ chức giám định thì lập hồ sơ, thực hiện thủ tục gửi mẫu giám định theo quy định của pháp luật về dịch vụ giám định thương mại.

Điều 11. Thông báo kết quả phân loại, Thông báo kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa[6]

1. Trong thời hạn không quá 5 ngày làm việc, trường hợp thời gian phân tích phụ thuộc thời gian do yêu cầu quy trình kỹ thuật phân tích hoặc mẫu hàng hóa phức tạp thì không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ và mẫu phân tích, Cục trưởng Cục Kiểm định hải quan ban hành Thông báo kết quả phân loại hàng hóa (theo mẫu số 08/TBKQPL/2021 ban hành kèm theo Thông tư này).

---

[6] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 01 Thông tư số 17/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 4 năm 2021.

2. Trường hợp mẫu hàng hóa có kết quả phân tích đáp ứng nhóm tiêu chí a và c hoặc nhóm tiêu chí b và c dưới đây, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm định hải quan ban hành Thông báo kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa (theo mẫu số 10/TBKQPTPL/2021 ban hành kèm theo Thông tư này), thời hạn ban hành thông báo kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa không quá 05 ngày làm việc, trường hợp thời gian phân tích phụ thuộc thời gian do yêu cầu quy trình kỹ thuật phân tích hoặc mẫu hàng hóa phức tạp thì không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ và mẫu phân tích:

a) Tên hàng: Tên hàng kết luận trong Thông báo kết quả phân tích theo các tiêu chí của Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam giống với kết luận tại mục "Tên gọi theo cấu tạo, công dụng" tại Thông báo kết quả phân loại của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan hoặc Cục trưởng Cục Kiểm định hải quan đã ban hành.

b) Bản chất hàng hóa: Chủng loại, thành phần, công dụng của hàng hóa tại Thông báo kết quả phân tích giống chủng loại, thành phần, công dụng của hàng hóa tại Thông báo kết quả phân loại của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan hoặc Cục trưởng Cục Kiểm định hải quan đã ban hành.

c) Mã số hàng hóa: Là mã số đã nêu tại Thông báo kết quả phân loại của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan hoặc Cục trưởng Cục Kiểm định hải quan đã ban hành.

3. Trường hợp cơ quan hải quan gửi mẫu trưng cầu giám định tại các tổ chức giám định thì trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, trường hợp mẫu hàng hóa phức tạp cần có thêm thời gian thì không quá 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả giám định hàng hóa, Cục trưởng Cục Kiểm định Hải quan ban hành Thông báo kết quả phân loại hàng hóa (theo mẫu số 08/TBKQPL/2021 ban hành kèm theo Thông tư này).

Đối với mẫu hàng hóa có kết quả giám định thuộc phạm vi quy định tại khoản 2 Điều này thì thời hạn ban hành Thông báo kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả giám định hàng hóa.

4. Thông báo kết quả phân loại hoặc Thông báo kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa là cơ sở để xác định mức thuế, thực hiện chính sách quản lý hàng

hóa; được cập nhật vào cơ sở dữ liệu của cơ quan hải quan và công khai trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan.

5. Trường hợp người khai hải quan không đồng ý với Thông báo kết quả phân loại hàng hóa hoặc Thông báo kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa thì thực hiện khiếu nại theo Luật Khiếu nại hoặc trưng cầu giám định theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ.

Điều 12. Hồ sơ và mẫu hàng hóa phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm

Hồ sơ yêu cầu phân tích và mẫu hàng hóa thực hiện theo các quy định và hướng dẫn của các Bộ quản lý chuyên ngành về kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm.

Điều 13. Phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm

1. Trường hợp Bộ quản lý nhà nước chuyên ngành giao nhiệm vụ, chỉ định cho cơ quan hải quan thực hiện việc kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm thì cơ quan hải quan căn cứ các điều kiện, tiêu chuẩn do các cơ quan quản lý nhà nước ban hành để thực hiện phân tích hàng hóa.

Cơ quan hải quan thông báo các mặt hàng được Bộ quản lý chuyên ngành giao, chỉ định để thực hiện việc kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm.

2. Thông báo kết quả kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm phải thể hiện đầy đủ kết quả phân tích và kết luận mẫu hàng theo các tiêu chí theo quy định của các Bộ chuyên ngành.

3. Thông báo kết quả kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm là cơ sở để quyết định thông quan hàng hóa.

4.[7] Cục trưởng Cục Kiểm định hải quan ban hành Thông báo kết quả kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm (theo mẫu số 09/TBKQKT-CL-ATTP/2021 ban

---

[7] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 17/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 4 năm 2021.

hành kèm Thông tư này) trong thời hạn quy định của pháp luật về kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm.

5. Trường hợp người khai hải quan không đồng ý với Thông báo kết quả kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm thì thực hiện khiếu nại theo Luật Khiếu nại hoặc trưng cầu giám định theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ.

Mục 4
CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ DANH MỤC HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU VIỆT NAM

Điều 14. Nguồn thông tin xây dựng Cơ sở dữ liệu về Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

1. Công ước HS và các phụ lục kèm theo;

2. Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;

3.[8] Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép, theo điều kiện, Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc diện quản lý chuyên ngành theo quy định tại Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ;

4.[9] Văn bản hướng dẫn về phân loại hàng hóa của Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan;

5. Nguồn thông tin khác từ:

---

[8] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 17/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 4 năm 2021.

[9] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 17/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 4 năm 2021.

a) Các văn bản giải quyết khiếu nại về phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế của Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan;

b)[10] *Thông báo kết quả phân loại của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Thông báo kết quả phân loại của Cục trưởng Cục Kiểm định hải quan và Thông báo kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa của Chi cục trưởng Chi cục Kiểm định hải quan.*

c) Thông báo kết quả xác định trước mã số của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan.

Điều 15. Thẩm quyền thu thập, cập nhật, sửa đổi Cơ sở dữ liệu về Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam

1. Tổng cục Hải quan tổ chức xây dựng cơ sở dữ liệu về Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ, đảm bảo tính đầy đủ, toàn diện, tập trung, thống nhất và cập nhật kịp thời.

2. Thông tin trong cơ sở dữ liệu được bổ sung, sửa đổi khi các nguồn thông tin nêu tại Điều 14 Thông tư này thay đổi.

3. Tổng cục Hải quan công khai các thông tin nêu tại Điều 14 Thông tư này trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan để người khai hải quan, các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, cơ quan hải quan các cấp, công chức hải quan sử dụng.

Mục 5
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[11]

---

[10] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 17/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 4 năm 2021.

[11] Điều 2 Thông tư số 17/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 1 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 4 năm 2021 quy định như sau:

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Trường hợp hàng hóa thuộc tờ khai hải quan đăng ký đã được lấy mẫu hàng hóa để phân tích, giám định nhưng đến ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành chưa có kết quả phân tích, giám định thì thực hiện theo quy định của văn bản liên quan có hiệu lực tại thời điểm đăng ký tờ khai.

Trong thời gian chờ Thông tư có hiệu lực thi hành, việc thực hiện phân loại hàng hóa, lấy mẫu, gửi mẫu, lưu mẫu phân tích, thực hiện phân tích, phân loại, giám định tiếp tục thực hiện theo pháp luật áp dụng tại thời điểm trước khi Thông tư này có hiệu lực.

Bãi bỏ Thông tư số 49/2010/TT-BTC ngày 12/4/2010; Điều 17, Điều 97 Thông tư số 128/2013/TT-BTC ngày 10/9/2013; công văn số 1280/BTC-TCHQ ngày 24/01/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn trừ lùi các chi tiết, linh kiện rời của máy móc, thiết bị nguyên chiếc.

2. Quá trình thực hiện, nếu các văn bản liên quan đề cập tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan căn cứ vào Thông tư này ban hành quy trình thủ tục hải quan về phân loại hàng hóa phải phân tích, quy chế phân tích để phân loại hàng hóa, phân tích để thực hiện kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm, quy chế xây dựng, thu thập, cập nhật Cơ sở dữ liệu; xây dựng và đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị máy móc, nguồn nhân lực để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ phân tích hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; hướng dẫn các đơn vị hải quan thực hiện thống nhất, bảo đảm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về hải quan;

---

*"**Điều 2. Hiệu lực thi hành***

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 4 năm 2021.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật quy định viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản quy phạm pháp luật mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế./."

2. Cơ quan hải quan, người khai hải quan, người nộp thuế và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện việc phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa, phân tích để thực hiện kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm theo đúng quy định hiện hành và hướng dẫn tại Thông tư này. Quá trình thực hiện có phát sinh vướng mắc, cơ quan hải quan, người khai hải quan, người nộp thuế và các tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo, phản ánh về Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) để được xem xét, hướng dẫn giải quyết kịp thời./.

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 04/VBHN-BTC

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2023

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Đức Chi

Phụ lục

DANH MỤC MẪU BIỂU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ Tài chính)

Mẫu số	Tên Biểu mẫu	Ký hiệu	Quy định tại
01	Đăng ký Danh mục máy móc thiết bị theo Điều 9	**01/ĐKDMTB/2015**	**Điều 7**
02	Phiếu theo dõi trừ lùi	**02/PTDTL-DMTB/2015**	**Điều 7**
03	Danh mục hàng hóa các chi tiết, linh kiện rời của máy móc thiết bị nguyên chiếc	**03/DMTBĐKNK-NC/2015**	**Điều 8**
04	Phiếu theo dõi trừ lùi các chi tiết, linh kiện rời của máy móc thiết bị nguyên chiếc	**04/PTDTL-TBNC/2015**	**Điều 8**
05	Phiếu yêu cầu phân tích kiêm Biên bản lấy mẫu hàng hóa	**05/PYCPT/2021**[12]	**Điều 9**
06	Phiếu tiếp nhận yêu cầu phân tích	**06/PTNYCPT/2015**	**Điều 10**
07	Biên bản trả lại mẫu hàng hóa đã phân tích	**07/BBTLMHH/2015**	**Điều 10**
08	Thông báo kết quả phân loại hàng hóa	**08/TBKQPL/2021**[13]	**Điều 11**

[12] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 1 Thông tư số 17/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

[13] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 1 Thông tư số 17/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Mẫu số	Tên Biểu mẫu	Ký hiệu	Quy định tại
09	Thông báo kết quả kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm	**09/TBKQKT-CL-ATTP/2021**[14]	**Điều 13**
10	Thông báo về kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	**10/TBKQPTPL/2021**[15]	

[14] Mẫu số này được sửa đổi theo quy định tại điểm c khoản 7 Điều 1 Thông tư số 17/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

[15] Mẫu số này được bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 1 Thông tư số 17/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Mẫu số 01/ĐKDMTB/2015

TÊN NGƯỜI KHAI HẢI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....
V/v Đăng ký danh mục hàng hóa nhập khẩu theo Điều 7 Thông tư số 14/2015/TT-BTC

....., ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi:..... (2)

Tên người khai hải quan: (1).....

Mã số thuế:.....

Số điện thoại:.....; số Fax:.....

Nhập khẩu hàng hóa là máy liên hợp/tổ hợp máy..... thuộc đối tượng quy định tại Điều 7 Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ Tài chính.

Nay, (1)..... đăng ký danh mục nhập khẩu máy móc, thiết bị thuộc Chương 84, Chương 85, Chương 90 của Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, đề nghị phân loại theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 14/2015/TT-BTC. Máy thực hiện chức năng chính/bộ phận chính là:.....

.....

Mã số theo Danh mục hàng hóa XK, NK Việt Nam.....;

Thời gian dự kiến nhập khẩu từ..... đến.....;

Địa điểm lắp đặt hàng hóa nhập khẩu.....

Đăng ký tại cơ quan hải quan:.....

Số TT	**Tên hàng, quy cách phẩm chất**	**Đơn vị tính**	**Số lượng**	**Trị giá**	**Trị giá (dự kiến)**	**Ghi chú**
(1)	**(2)**	**(3)**	**(4)**	**(5)**	**(6)**	**(7)**
1						
2						
3						
...						

Số TT	Tên hàng, quy cách phẩm chất	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá	Trị giá (dự kiến)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

(1)..... cam kết kê khai chính xác, trung thực các tài liệu nói trên....(1).... sẽ thực hiện đúng quy định hiện hành về xuất nhập khẩu hàng hóa và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam kết này.

(1)..... kính đề nghị (2)..... xác nhận danh mục máy móc, thiết bị đề nghị phân loại theo máy thực hiện chức năng chính/bộ phận chính cho.....(1)..... theo quy định hiện hành./.

Số..... ngày (đăng ký) Danh mục..... (3)	*Ngày... tháng... năm.....*
CƠ QUAN HẢI QUAN LÀM THỦ TỤC ĐĂNG KÝ	**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA NGƯỜI KHAI HẢI QUAN**
(Ký, ghi rõ họ, tên, và đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ, tên, và đóng dấu)*

.....

Ghi chú:

(1) Ghi tên người khai hải quan đăng ký Danh mục;

(2) Ghi tên cơ quan hải quan nơi đăng ký Danh mục.

(3) Số, ngày đăng ký danh mục do đơn vị Hải quan làm thủ tục đăng ký danh mục ghi, phù hợp với số thứ tự, ngày đăng ký ghi trong sổ theo dõi đăng ký danh mục.

Cột (5): nếu tại thời điểm đăng ký, người khai hải quan chưa biết được chính xác trị giá hàng nhập khẩu thì ghi trị giá vào cột (6).

Mẫu số 02/PTDTL-DMTB/2015
Số tờ.....
Tờ số.....

PHIẾU THEO DÕI, TRỪ LÙI HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

(Theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính)

1. Danh mục hàng hóa nhập khẩu quy định tại Điều 7 Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ Tài chính.

2. Tên người khai hải quan.....; Mã số thuế:.....

3. Tên máy liên hợp/tổ hợp máy.....

4. Tên máy thực hiện chức năng chính/bộ phận chính:

.....

5. Mã số theo Danh mục hàng hóa XK, NK Việt Nam.....

Số TT	**Số, ký hiệu, ngày tờ khai hải quan**	**Tên hàng, quy cách phẩm chất**	**Lượng**	**Đơn vị tính**	**Trị giá (đơn vị tiền tệ)**	**Hàng hóa nhập khẩu theo tờ khai hải quan**		**Hàng hóa còn lại chưa nhập khẩu**		**Công chức hải quan thống kê, trừ lùi ký tên, đóng dấu công chức**
						Lượng	**Trị giá**	**Lượng**	**Trị giá**	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

..... ngày... tháng... năm...

CƠ QUAN HẢI QUAN CẤP PHIẾU THEO DÕI TRỪ LÙI

(Ký, ghi rõ họ, tên, và đóng dấu)

.....

Ghi chú:

- Số tờ, tờ số và các tiêu chí tại các mục 1, 2, 3, 4, 5 do cơ quan Hải quan nơi cấp phiếu theo dõi, trừ lùi ghi. Khi cấp phiếu theo dõi, trừ lùi, nếu 01 phiếu gồm nhiều tờ thì cơ quan Hải quan phải đóng dấu treo lên tất cả các tờ.

- Số liệu tại các cột từ 1 đến 11 của Phiếu do cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu hàng hóa ghi.

- Khi người khai hải quan đã nhập khẩu hết hàng hóa theo Danh mục đã đăng ký thì Chi cục Hải quan cuối cùng xác nhận lên bản chính "đã nhập hết hàng hóa theo Danh mục số....." và sao 01 bản (đóng dấu sao y bản chính) gửi Chi cục Hải quan nơi cấp Phiếu theo dõi trừ lùi.

Mẫu số 03/DMTBDKNK-NC/2015

DANH MỤC HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

(Theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính)

Số.....; ngày đăng ký.....

1- Tên người khai hải quan:.....; Mã số thuế:.....

2- Tên thiết bị nguyên chiếc.....

3- Mã số theo Danh mục hàng hóa XK, NK Việt Nam.....

4- Đăng ký tại cơ quan hải quan.....

5- Thời gian dự kiến kết thúc nhập khẩu hàng hóa.....

Số TT	**Tên hàng hóa**		**Đơn vị tính**	**Tổng số lượng**	**Ghi chú**
	Tiếng Việt	Tiếng Anh			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1					
2					
3					
...					

Ngày... tháng... năm.....	*Ngày... tháng... năm.....*
CƠ QUAN HẢI QUAN LÀM THỦ TỤC ĐĂNG KÝ	**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA NGƯỜI KHAI HẢI QUAN**
(Ký tên, đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ, tên, và đóng dấu)*

.....

Ghi chú:

- Số, ngày đăng ký danh mục do đơn vị Hải quan làm thủ tục đăng ký danh mục ghi, phù hợp với số thứ tự, ngày đăng ký ghi trong sổ theo dõi đăng ký danh mục.

Mẫu số 04/PTDTL-TBNC/2015

Số tờ.....

Tờ số.....

PHIẾU THEO DÕI, TRỪ LÙI HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

(Theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính)

1. Danh mục hàng hóa nhập khẩu quy định tại Điều 8 Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ Tài chính.

2. Tên người khai hải quan.....; Mã số thuế:.....

3. Tên thiết bị nguyên chiếc.....

4. Mã số theo Danh mục hàng hóa XK, NK Việt Nam.....

Số TT	**Số, ký hiệu, ngày tờ khai hải quan**	**Số lượng hàng làm thủ tục**	**Số lượng hàng còn lại**	**Hải quan nơi làm thủ tục thống kê, trừ lùi (ký tên, đóng dấu)**	
				Công chức hải quan TNTK	**Lãnh đạo HQ cửa khẩu**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

..... ngày... tháng... năm

CƠ QUAN HẢI QUAN CẤP PHIẾU THEO DÕI TRỪ LÙI

(Ký, ghi rõ họ, tên, và đóng dấu)

.....

Ghi chú:

- Số tờ, tờ số và các tiêu chí tại các mục 1, 2, 3, 4, 5 do cơ quan Hải quan nơi cấp phiếu theo dõi, trừ lùi ghi. Khi cấp phiếu theo dõi, trừ lùi, nếu 01 phiếu gồm nhiều tờ thì cơ quan Hải quan phải đóng dấu treo lên tất cả các tờ.

- Số liệu tại các cột từ 1 đến 6 của Phiếu do cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu hàng hóa ghi.

- Khi người khai hải quan đã nhập khẩu hết hàng hóa theo Danh mục đã đăng ký thì Chi cục Hải quan cuối cùng xác nhận lên bản chính "đã nhập hết hàng hóa theo Danh mục số....." và sao 01 bản (đóng dấu sao y bản chính) gửi Chi cục Hải quan nơi cấp Phiếu theo dõi trừ lùi.

Mẫu số 05/PYCPT/2021[1]

CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CQ HẢI QUAN YÊU CẦU** ------- Số:.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ---------- *....., ngày... tháng... năm.....*

PHIẾU YÊU CẦU PHÂN TÍCH HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU KIÊM BIÊN BẢN LẤY MẪU

Kính gửi:.....

1. Tên hàng theo khai báo:.....

2. Mã số hàng hóa theo khai báo:.....

3. Số tờ khai hải quan:..... ngày..... tháng..... năm.....

4. Số giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) (nếu có)..... ngày..... tháng..... năm.....

5. Đơn vị XK, NK.....

6. Ngày lấy mẫu:..... Địa điểm lấy mẫu:.....

7. Người lấy mẫu:

- Công chức hải quan 1:.....

- Công chức hải quan 2:.....

- Đại diện người khai hải quan:.....

8. Đặc điểm và quy cách đóng gói mẫu:.....

9. Số lượng mẫu/Chi tiết mẫu (kích thước, đặc điểm):.....

10. Hình thức kiểm tra thực tế hàng hóa (miễn kiểm tra hoặc kiểm tra tỷ lệ hoặc kiểm tra toàn bộ).....

11. Mẫu đã được niêm phong hải quan số:.....

12. Hồ sơ kèm theo:

---

[1] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 1 Thông tư số 17/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 4 năm 2021.

(1) Hợp đồng thương mại (bản chụp): Có □ Không □

(2) Tài liệu kỹ thuật, catalogue của nhà sản xuất về hàng hóa: Có □ Không □

(trường hợp không cung cấp tài liệu kỹ thuật thì nêu rõ lý do)

(3) Chứng thư giám định (bản chụp, nếu có): Có □ Không □

(4) Giấy tờ khác có liên quan (nếu có, ghi rõ loại giấy tờ):

.....

13. Nội dung yêu cầu phân tích: *(ghi rõ các tiêu chí cần phân tích, ví dụ: thành phần, bản chất)*

.....

14. Người khai hải quan yêu cầu lấy lại mẫu: Có □ Không □

Tên người được ủy quyền nhận lại mẫu:.....

(15) ĐẠI DIỆN NGƯỜI KHAI HẢI QUAN *(Ký, ghi rõ họ, tên)*	**CÔNG CHỨC HẢI QUAN** *(Ký, ghi rõ họ, tên, và đóng dấu)*	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(Ký, ghi rõ họ, tên, đóng dấu)*

Ghi chú:

- Lập thành hai bản (1 bản lưu cùng hồ sơ lưu của Hải quan; 1 bản gửi trong hồ sơ phân tích).

- (15) Trường hợp vắng mặt đại diện người khai hải quan khi lấy mẫu thì phải có chữ ký của người chứng kiến là: doanh nghiệp hoặc cơ quan nhà nước tại khu vực cửa khẩu, đại diện doanh nghiệp vận tải, doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho bãi trong trường hợp doanh nghiệp vắng mặt;

Mẫu số 06/PTNYCPT/2015

TỔNG CỤC HẢI QUAN **TÊN CQ PHÂN TÍCH HẢI QUAN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số:...../PTPL-NV	*....., ngày tháng năm*

PHIẾU TIẾP NHẬN YÊU CẦU PHÂN TÍCH
HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

- Thời gian tiếp nhận yêu cầu phân tích: ngày..... tháng..... năm.....
- Phiếu yêu cầu phân tích kiêm biên bản lấy mẫu số:..... ngày.....
- Đơn vị yêu cầu phân tích:.....
- Tên mẫu theo khai báo:.....
- Số tờ khai hải quan:..... ngày..... tháng..... năm.....
- Số giấy chứng nhận xuất xứ (C/O):.... ngày..... tháng..... năm.....
- Đơn vị XK, NK/Tổ chức, cá nhân:.....
.....
- Số lượng mẫu:.....
- Phân công thực hiện phân tích và lưu ý:
.....
.....
.....
.....
.....
.....

NGƯỜI GIAO	**NGƯỜI NHẬN**	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký và ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên, và đóng dấu)*

Ghi chú: *Trường hợp Phiếu yêu cầu phân tích hàng hóa đề nghị xác định trước mã số, không yêu cầu điền các thông tin tờ khai hải quan.*

Mẫu số 07/BBTLMHH/2015

TỔNG CỤC HẢI QUAN **TÊN CQ PHÂN TÍCH HẢI QUAN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số:...../PTPL-NV	....., *ngày tháng năm*

BIÊN BẢN TRẢ LẠI MẪU ĐÃ PHÂN TÍCH

..... *(tên cơ quan phân tích hải quan)* quyết định trả lại mẫu đã phân tích như sau:

- Thời gian trả lại mẫu:..... giờ..... ngày..... tháng..... năm.....
- Tên mẫu trả lại (theo khai báo):.....
- Số tờ khai hải quan:..... Thông báo kết quả phân tích số:.....
- Số lượng mẫu trả lại:.....
- Đơn vị đề nghị trả lại mẫu:.....
- Công văn đề nghị trả lại mẫu số:..... Ngày.... tháng.... năm.....
- Người nhận lại mẫu *(họ tên, thông tin CMTND hoặc hộ chiếu, tên doanh nghiệp, cơ quan xin nhận lại mẫu):*

.....

- Giấy ủy quyền nhận lại mẫu (nếu có):..... Ngày.... tháng..... năm.....
- Người trả lại mẫu:.....
- Lưu ý:.....

.....

.....

.....

Chủ hàng cam đoan đã nhận lại mẫu và không khiếu nại về kết quả phân tích đối với mẫu hàng này sau khi đã được nhận lại mẫu.

NGƯỜI NHẬN LẠI MẪU	**NGƯỜI TRẢ LẠI MẪU**	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**
(Ký, ghi rõ họ, tên)	*(Ký, ghi rõ họ, tên)*	*(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)*

Ghi chú: *- Công văn đề nghị trả lại mẫu ghi rõ tên người nhận lại mẫu, thông tin CMTND hoặc hộ chiếu và nội dung cam đoan nêu trên;*

- Giấy ủy quyền nhận lại mẫu áp dụng cho đại lý hải quan hoặc trường hợp chủ hàng quyết định ủy quyền cho một đại diện hợp pháp để nhận lại mẫu.

Mẫu số 08/TBKQPL/2021[2]

TỔNG CỤC HẢI QUAN **CỤC KIỂM ĐỊNH HẢI QUAN** ------- Số: /TB-KĐHQ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ---------- *Hà Nội, ngày tháng năm*

THÔNG BÁO
Về kết quả phân loại đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát, kiểm soát hải quan; Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa, phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm; Thông tư số.../2021/TT-BTC ngày..../.../2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính; Thông tư số.../...../TT-BTC ngày... của Bộ Tài chính về việc ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;

Trên cơ sở kết quả phân tích của.... *(tên cơ quan phân tích hải quan)* tại thông báo số... ngày... và đề nghị của....., Cục trưởng Cục Kiểm định hải quan thông báo kết quả phân loại hàng hóa như sau:

1. Tên hàng theo khai báo:.....
2. Đơn vị xuất khẩu/nhập khẩu:.....
Địa chỉ:.....

[2] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 1 Thông tư số 17/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 4 năm 2021.

MST:..... **3.** Số, ngày tờ khai hải quan..... tại Chi cục Hải quan..... (Cục Hải quan.....)
4. Tóm tắt mô tả và đặc tính hàng hóa:
5. Kết quả phân loại: Tên gọi theo cấu tạo, công dụng: thuộc nhóm..., phân nhóm..., mã số..... tại Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam./.

Thông báo này có hiệu lực kể từ ngày ban hành./.

Nơi nhận:
- Lãnh đạo Tổng cục phụ trách (để báo cáo);
- Các Cục HQ tỉnh,TP (để thực hiện);
- Cục Thuế XNK;
- Chi cục HQ: *(nơi gửi mẫu phân tích);*
- ... *(đơn vị XK/NK);*
- Website Hải quan;
- Lưu: VT, ... (đơn vị XL)-(CV *xử lý hồ sơ*) (3b).

CỤC TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ, tên, và đóng dấu)

Mẫu số 09/TBKQKT-CL-ATTP/2021[3]

TỔNG CỤC HẢI QUAN **CỤC KIỂM ĐỊNH HẢI QUAN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TB-KĐHQ	*Hà Nội, ngày tháng năm*

THÔNG BÁO
Về kết quả kiểm tra chất lượng/kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát, kiểm soát hải quan; Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa, phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm; Thông tư số.../2021/TT-BTC ngày..../.../2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số...của Bộ (tên Bộ quản lý chuyên ngành) chỉ định cho cơ quan Hải quan....

Trên cơ sở kết quả phân tích của..... (tên cơ quan phân tích) và đề nghị của Lãnh đạo..... (tên cơ quan phân tích), Cục trưởng Cục Kiểm định hải quan thông báo kết quả kiểm tra chất lượng/kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa như sau:

[3] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại điểm c khoản 7 Điều 1 Thông tư số 17/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 4 năm 2021.

1. Tên hàng theo khai báo:.....

2. Đơn vị nhập khẩu:.....

3. Số, ngày tờ khai hải quan.....

4. Kết quả kiểm tra:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Phương pháp thử	Hàm lượng cho phép
....					

5. Kết luận:

Thông báo này có hiệu lực kể từ ngày ban hành./.

Nơi nhận:
- Lãnh đạo Tổng cục phụ trách (để báo cáo);
- Chi cục HQ: *(nơi gửi mẫu phân tích);*
-... *(đơn vị XK/NK);*
- Các đơn vị Kiểm định (để p/h);
- Lưu: VT,.....

CỤC TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ, tên, và đóng dấu)

Mẫu số 10/TBKQPTPL/2021[4]

CỤC KIỂM ĐỊNH HẢI QUAN **CHI CỤC KIỂM ĐỊNH HẢI QUAN...**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TB-KĐ...	*Hà Nội, ngày tháng năm*

THÔNG BÁO

Về kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát, kiểm soát hải quan; Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015

Căn cứ Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa, phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm; Thông tư số.../2021/TT-BTC ngày..../.../2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính; Thông tư số.../...../TT-BTC ngày... của Bộ Tài chính về việc ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;

Chi cục trưởng Chi cục Kiểm định hải quan... thông báo kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa như sau:

1. Tên mẫu khai báo:

2. Tờ khai hải quan:

3. Đơn vị XK, NK/Tổ chức, cá nhân:

4. Đơn vị yêu cầu phân tích:

5. Phiếu yêu cầu phân tích kiêm biên bản lấy mẫu:

---

[4] Mẫu này được bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 1 Thông tư số 17/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 4 năm 2021.

6. Phiếu tiếp nhận mẫu:

7. Chuyên viên thực hiện phân tích:

8. Kết quả phân tích:

9. Mã số phân loại theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu:

Thông báo này có hiệu lực kể từ ngày ban hành./.

Nơi nhận:
- Cục Kiểm định Hải quan (để báo cáo);
- Các Cục HQ tỉnh, thành phố:
- Cục Thuế xuất nhập khẩu;
- Chi cục HQ: *(nơi gửi mẫu phân tích);*
- *... (đơn vị XK/NK);*
- Website Hải quan;
- Lưu: VT..... (đơn vị XL).

CHI CỤC TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ, tên, và đóng dấu)

Ghi chú: *thông báo kết quả này có giá trị đối với mẫu yêu cầu phân tích*

** Trên cơ sở kết quả giám định số..... của đơn vị giám định (nếu mẫu được gửi đi giám định)*

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng